

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày: 05 - 11 - 2019.
V/v tranh chấp chia tài sản thuộc sở
hữu chung.

**NHÂN DANH
NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Lên và ông Phạm Ngọc Huân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang, là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Chia tài sản thuộc sở hữu chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 19xx “Vắng mặt”.

Anh Nông Văn C, sinh năm 19xx là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo giấy ủy quyền ngày 08/4/2019, “Có mặt”;

- Chị Nông Thị Q, sinh năm 19xx, là bị đơn, “Có mặt”;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nông Văn D (Tên gọi khác Nông Văn G), sinh năm 19xx, “Có mặt”;

- Anh Nông Văn C, sinh năm 19xx, “Có mặt”;

- Anh Nông Văn H, sinh năm 19xx, “Có mặt”;

- Anh Nông Văn T, sinh năm 19xx, “Có mặt”;

- Bà Nông Thị B, sinh năm 19xx, “Vắng mặt”;

- Chị Nông Thị D1, sinh năm 19xx, “Vắng mặt”;

- Chị Nông Thị B1, sinh năm 19xx, “Vắng mặt”;

- Anh Nông Văn C1, sinh năm 19xx, “Vắng mặt”;

- Anh Nông Văn T1, sinh năm 19xx, “Vắng mặt”.

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Bà Nông Thị C2, sinh năm 19xx, địa chỉ: thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Nông Văn C trình bày:

Bà Hoàng Thị Y và ông Nông Văn M (Chết năm 20xx) sinh được 08 người con gồm có bốn người con gái, bốn người con trai. Sau khi các con trưởng thành lấy vợ và lấy chồng thì ông bà đã chia tài sản là ruộng đất cho các con và ông bà ở với người con trai út là anh Nông Văn D. Sau đó anh D lấy vợ là chị Nông Thị Q và cùng sống trong ngôi nhà sàn 72 cột do ông bà dựng lên tại thôn N, xã C Lợi, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Trong thời gian sống cùng vợ chồng con trai út thì bốn người con trai của ông bà là các anh C, T, H và anh D đã thống nhất mỗi người con chia 200 m² đất cho ông bà. Trong đó anh Nông Văn C chia cho ông bà 200 m² đất ruộng tại thửa số 251, tờ bản đồ số 13; anh Nông Văn H và anh Nông Văn T thống nhất lấy thửa số 125, diện tích 449,4 m², tờ bản đồ số 20 thuộc quyền sử dụng của anh H để chia cho ông bà; còn anh D cũng nhất trí chia cho ông bà 200 m² đất nhưng không cho biết là thửa nào vì khi đó ông bà đang ở chung với anh D. Sau khi được các con trai chia cho quyền sử dụng đất (QSDĐ) nói trên thì số diện tích của anh C, anh H chia cho đã được anh D và chị Q kê khai đứng tên trong GCNQSDĐ. Cũng trong thời gian sống chung, thì vợ chồng anh D đã cho tu sửa lại ngôi nhà sàn của ông bà dựng trước đây. Tuy nhiên từ sau khi ông M chết thì vợ chồng anh D, chị Q đổi xử với bà không tốt nên bà đã chuyển sang sinh sống cùng người con trai là Nông Văn C ở gần đó. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Q phải chia giá trị của ngôi nhà sàn không gắn liền QSDĐ cho bà tương ứng với số tiền là 30.000.000,đ và chị Q phải chia cho bà 400 m² đất tại thửa đất số 125.

Chi phí định giá tài sản ngày 17/7/2019 và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/9/2019 (Tiền chi phí tố tụng khác) nguyên đơn xin chịu toàn bộ.

Tại biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn, chị Nông Thị Q trình bày: Đối với yêu cầu chia 400 m² đất ruộng thì trước đây hai lần hòa giải tại xã chị đã nhất trí chia cho bà 200 m² ruộng thuộc thửa số 251 và cắt cho bà 200 m² đất ruộng tại thửa số 247 nhưng cần hỏi ý kiến của anh D do cả hai lần hòa giải ở xã, ban hòa giải xã không mời anh D tham gia. Sau đó, anh D chỉ nhất trí chia cho bà 200 m² đất ruộng tại thửa số 251. Sau đó, bà Y thay đổi yêu cầu được chia 400 m² đất ruộng tại thửa số 247; nay khởi kiện ra Tòa án bà Y lại yêu cầu được chia 400 m² đất tại thửa số 125. Do bà Y đã khởi kiện ra Tòa án thì chị không nhất trí chia cho bà Y thửa đất nào nữa bởi chị không có quyền quyết định. Còn đối với ngôi nhà sàn hiện nay vợ chồng chị và các con đang ở thì trước đây là của ông bà dựng lên. Năm 2004 vợ chồng chị có cho tu sửa rút gọn ngôi nhà lại thành 35 cột và có thay mới toàn bộ ván sàn và ván bưng vách cùng một số cầu phong ly tô với số tiền khoảng 30.000.000,đ và toàn bộ ngôi nhà hiện nay có giá

khoảng 100.000.000đ. Do vợ chồng chị không được đuổi bà ra khỏi nhà nên không nhất trí với yêu cầu trên của bà. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, anh Nông Văn D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh nhất trí với trình bày trên của chị Q và không còn có ý kiến gì.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, anh Nông Văn C là người có quyền lợi liên quan trình bày: Anh nhất trí với các yêu cầu của bà Y. Anh cũng nhất trí ngôi nhà sàn hiện nay vợ chồng anh D, chị Q đang sinh sống là tài sản chung của bà Y với anh D, chị Q và bản thân anh không có yêu cầu gì về chia tài sản chung là ngôi nhà sàn. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, anh Nông Văn H là người có quyền lợi liên quan trình bày: Anh nhất trí với các yêu cầu của bà Y. Anh cũng nhất trí ngôi nhà sàn hiện nay vợ chồng anh D, chị Q đang sinh sống là tài sản chung của bà Y với anh D, chị Q và bản thân anh không có yêu cầu gì về chia tài sản chung là ngôi nhà sàn. Đổi với QSDĐ tại thửa số 125 có diện tích hơn 400 m² trước đây là thuộc quyền sử dụng của anh. Tuy nhiên khi các con thông nhất mỗi người con trai chia cho ông bà 200 m² đất thì do thửa số 125 có diện tích khoảng 400 m² nên anh đã thống nhất với anh T về việc dùng thửa số 125 của anh chia cho ông bà còn phần của anh T chia cho ông bà thì anh sẽ đổi lấy để sử dụng và nay là thửa số 316A có diện tích 183,4 m² chưa được cấp GCNQSDĐ. Nay trong vụ án này anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh D phải trả lại cho anh 200 m² đất tại thửa số 125. Số diện tích đất còn lại của thửa số 125 thì nhất trí chia cho anh D sử dụng vì anh D đã có công chăm sóc ông M cho đến khi ông M chết. Ngoài ra anh không có ý kiến gì.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, anh Nông Văn T là người có quyền lợi liên quan trình bày: Anh nhất trí với các yêu cầu của bà Y. Anh cũng nhất trí ngôi nhà sàn hiện nay vợ chồng anh D, chị Q đang sinh sống là tài sản chung của bà Y với anh D, chị Q và bản thân anh không có yêu cầu gì về chia tài sản chung là ngôi nhà sàn. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản ghi lời khai, những người có quyền lợi liên quan gồm có: Bà Nông Thị B, chị Nông Thị D1, chị Nông Thị B, bà Nông Thị C1 đều thừa nhận ngôi nhà sàn hiện nay tại thôn N, xã C là của bố mẹ là ông Nông Văn M và bà Hoàng Thị Y dựng lên. Khi đó cả 08 người con của ông bà còn nhỏ chưa có đóng góp gì nên đó là tài riêng của ông bà và nay là tài sản chung của bà Y với anh D, chị Q. Nay bà Y là mẹ của họ yêu cầu vợ chồng D, Q phải chia tài sản chung là giá trị của ngôi nhà sàn cho bà là đúng, còn với họ thì không có yêu cầu gì về chia tài sản chung là ngôi nhà sàn. Ngoài ra họ cũng yêu cầu anh D, chị Q phải chia QSDĐ cho bà Y.

Tại biên bản ghi lời khai những người có quyền lợi liên quan gồm có: Anh Nông Văn C1, anh Nông Văn T trình bày: Họ là con đẻ của ông D, bà Q. Về ngôi nhà sàn hiện nay bố mẹ và các anh đang ở là tài sản chung của gia đình. Khi bố mẹ sửa chữa ngôi nhà thì các anh còn nhỏ nên không có đóng góp gì vào khối tài

sản chung của gia đình nay bà Y có tranh chấp yêu cầu bố mẹ anh chia giá trị của ngôi nhà cho bà Y thì các anh không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều được Thẩm phán thu thập đúng trình tự, thủ tục luật định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS 2015); Điều 219 của Bộ luật dân sự 2015 (BLDS 2015) và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Hoàng Thị Y, buộc chị Nông Thị Q phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Y số tiền 30.000.000,đ là một phần giá trị của ngôi nhà sàn. Không xem xét giải quyết yêu cầu chia QSDĐ của bà Y và đòi lại QSDĐ của anh Nông Văn H. Bà Y được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà Hoàng Thị Y và chị Nông Thị Q đều có nơi cư trú tại thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nội dung vụ việc cần giải quyết là tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung; tài sản thuộc sở hữu chung là bất động sản có địa chỉ tại xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án “Tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung” là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS 2015.

Tại phiên tòa nguyên đơn và những người có quyền lợi liên quan vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Những người tham gia tố tụng có mặt và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và những người có quyền lợi liên quan vì nguyên đơn đã có người đại diện theo ủy quyền, những người có quyền lợi liên quan đã có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy: Nguyên đơn đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, người có quyền lợi liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai và có yêu cầu xét xử vắng mặt; anh C1, anh T đã có biên bản lấy lời khai, việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến giải quyết vụ án nên quyết định tiếp tục phiên toà là phù hợp với quy định tại Điều 227 BLTTDS 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Qua xem xét GCNQSDĐ số CA 377212 ngày 26/01/2015 cho anh Nông Văn D và chị Nông Thị Q; sổ hộ khẩu gia đình số 050050709 có số hồ sơ hộ khẩu số 142 ngày 12/9/2011; biên bản định giá tài sản ngày 25/7/2019 thấy các tài liệu trên là căn cứ để giải quyết vụ án.

Xét về yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung là giá trị của ngôi nhà sàn của bà Hoàng Thị Y thấy: Ngôi nhà sàn hiện vợ chồng chị Q, anh Di đang sử dụng

tọa lạc trên thửa đất số 145, diện tích 517,2 m², tờ bản đồ số 13 có địa chỉ thửa đất thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã được cấp GCNQSDĐ số CA 377212 ngày 26/01/2015 cho anh Nông Văn D và chị Nông Thị Q. Nguồn gốc của ngôi nhà này là do vợ chồng ông Nông Văn M và bà Hoàng Thị Y dựng lên từ khi 08 người con của ông bà còn nhỏ chưa có đóng góp công sức gì vào tạo lập giá trị của ngôi nhà. Sau khi các con trưởng thành và thoát ly thì ông M, bà Y sống cùng với người con út là anh Nông Văn D. Trong quá trình sử dụng thì vào năm 2004 vợ chồng chị Q có cho sửa rút gọn ngôi nhà sàn thành 04 gian hai trái trong đó có một trái được sử dụng làm cầu thang lên nhà. Khi sửa nhà thì vợ chồng chị Q có thay mới toàn bộ ván sàn và ván bưng vách cùng một số cầu phong ly tô. Chị Q, anh D đều thông nhất khi sửa nhà thì vợ chồng chị Q đã chi số tiền khoảng 30.000.000,đ và toàn bộ ngôi nhà hiện nay có giá khoảng 100.000.000,đ; tuy nhiên bà Y cho rằng ngôi nhà sàn hiện nay không gắn liền quyền sử dụng đất có giá trị là 200.000.000,đ. Ngoài ra các con của bà Y, ông M và các con của anh D, chị Q cũng xác nhận ngôi nhà sàn nói trên là tài sản chung của bà Y với anh D, chị Q. Các người con của bà Y cùng quan điểm là anh D, chị Q phải chia giá trị tài sản chung là ngôi nhà cho bà Y và bản thân họ cũng như các con của anh D, chị Q cũng không yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà đang tranh chấp cho họ. Do vậy, xét thấy: Ngôi nhà sàn nói trên là tài sản chung của bà Hoàng Thị Y, anh D và chị Q, nên chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là giá trị của ngôi nhà sàn cho bà Y; anh D, chị Q là những người có quyền và nghĩa vụ liên đới là có cơ sở.

Xét về giá trị của ngôi nhà sàn: Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 25/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn kết luận: Nhà sàn gỗ nghiến, mái lợp ngói âm, dương có khối lượng là 145 m² tính giá trị thành tiền là 283.330.000,đ; vách ngăn gỗ nhóm 4-6 có khối lượng 90,65 m² tính giá trị thành tiền là 15.229.200,đ; sàn nhà gỗ nhóm 4-6 có khối lượng 145 m² tính giá trị thành tiền là 48.140.000,đ. Tổng giá trị của ngôi nhà không gắn liền quyền sử dụng đất là: 346.699.200,đ. Trong đó có 283.330.000,đ là tài sản chung của những người sau: Ông Nông Văn M, bà Hoàng Thị Y, anh Nông văn D và chị Nông Thị Q; còn 346.699.200,đ - 283.330.000,đ = 63.369.200,đ là tài sản riêng không tách rời của anh D, chị Q. Tuy ông M đã chết nhưng trong khối tài sản chung ở trên ông M cũng có suất của mình; do bản thân bà Y không yêu cầu chia di sản của người chết để lại và các con của bà Y không có tranh chấp đối với tài sản chung, nên số giá trị tài sản chung tính thành tiền là 283.330.000,đ được chia làm 4 suất bằng nhau là 283.330.000,đ : 4 = 70.832.500,đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bản thân bà Y và các con của bà Y, ông M không có ai tranh chấp phần di sản của ông M để lại và bản thân vợ chồng anh D, chị Q cũng không có yêu cầu nên phần di sản của ông M không xem xét giải quyết. Trên cơ sở đó, số tài sản chung cần chia cho bà Y là (283.330.000,đ - 70.832.500,đ) : 3 = 70.832.500,đ. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Y chỉ yêu cầu chị Nông Thị Q chia cho bà số tiền là 30.000.000,đ là một phần giá trị của ngôi nhà. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét cần ghi nhận sự tự nguyện yêu cầu được chia số tiền 30.000.000,đ của bà Hoàng Thị Y.

Xét về chia tài sản chung là QSDĐ: Trong thời gian ông M còn sống thì các con của bà Y đã tự nguyện mỗi người chia cho ông bà 200 m² đất. Tổng diện tích

đất ông bà được chia là 800 m². Thực tế anh C đã chia ông bà 200 m² đất nay là thửa đất số 251; anh H, anh T đã chia cho ông bà hơn 400 m² đất nay là thửa số 125, còn suất của anh D chia cho cha mẹ là 200 m² nhưng không cho biết là thửa nào. Do khi các con chia đất thì ông bà đang ở cùng với anh D, chị Q nên toàn bộ diện tích đất các con chia cho ông Bà đã được anh D, chị Q kê khai và đứng tên trong GCNQSDĐ. Mặt khác, anh D là chủ hộ gia đình, nhưng khi tranh chấp QSDĐ bà Y không yêu cầu anh D có trách nhiệm chia QSDĐ cho bà dẫn đến việc UBND xã nơi họ cư trú tổ chức phiên hòa giải không đúng đắn theo quy định của luật đất đai. Bên cạnh đó, đối với thửa đất số 125 bà Y đang yêu cầu chia lại đang có tranh chấp giữa anh Nông Văn H với anh D. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bà Y về việc chia thửa đất số 125 cho bà không được xem xét giải quyết. Sau này nếu bà còn tranh chấp đối với thửa số 125 thì bà có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án dân sự khác.

Xét yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất của anh Nông Văn H với anh Nông Văn D về thửa số 125 diện tích 449,4m² đã được cấp GCNQSDĐ số CA 764342 ngày 10/4/2015 cho anh D, chị Q. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa số 125 của anh Nông Văn H chưa được hòa giải tại UBND xã nơi có thửa đất tranh chấp theo quy định của luật đất đai, do vậy yêu cầu của anh Nông Văn H về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa số 125 không được xem xét giải quyết. Sau này nếu anh còn tranh chấp đối với thửa số 125 thì anh có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án dân sự khác.

Trên cơ sở phân tích ở trên và qua xem xét và đánh giá toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các đương sự cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Y; buộc chị Nông Thị Q và anh Nông Văn D có nghĩa vụ liên đới mỗi người phải bồi cho bà Hoàng Thị Y với số tiền là 15.000.000,đ; yêu cầu chia QSDĐ đối với thửa số 125 của bà Hoàng Thị Y không được xem xét giải quyết; không xem xét yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất tại thửa số 125 của anh Nông Văn H. Sau này, bà Y, anh H còn tranh chấp đối với thửa số 125 thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi họ có yêu cầu.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng khác với tổng số tiền là 2.500.000,đ. Số tiền này đã chi hết. Xác nhận nguyên đơn đã nộp xong số tiền chi phí tố tụng khác.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều được Thẩm phán thu thập đúng trình tự, thủ tục luật định; các điều luật áp dụng và quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí và tiền án phí dân sự sơ thẩm, nên xét thấy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn; chị Nông Thị Q và anh Nông Văn D mỗi

người liên đới phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo phần nghĩa vụ liên đới của họ theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 273 của BLTTDS 2015; Điều 212, 219, 288 của BLDS 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Điều 14; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung của bà Hoàng Thị Y đối với chị Nông Thị Q:

Buộc chị Nông Thị Q và anh Nông Văn D mỗi người phải chia một phần giá trị của ngôi nhà sàn không gắn liền QSDĐ tọa lạc trên thửa đất số 145, diện tích 517,2 m², tờ bản đồ số 13 có địa chỉ thửa đất thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn do anh Nông Văn D và chị Nông Thị Q đứng tên trên GCNQSDĐ số CA 377212 ngày 26/01/2015 là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng cho bà Hoàng Thị Y.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, khoản tiền còn phải thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của BLDS 2015.

Không xem xét yêu cầu chia QSDĐ đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 20 đã được cấp GCNQSDĐ số CA 764342 ngày 10/4/2015 của bà Hoàng Thị Y;

Không xem xét yêu tranh chấp QSDĐ tại thửa số 125, tờ bản đồ số 20 đã được cấp GCNQSDĐ số CA 764342 ngày 10/4/2015 của anh Nông Văn H.

Sau này, bà Y, anh H còn tranh chấp đối với thửa đất số 125 thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi họ có yêu cầu.

2. Về chi phí tố tụng khác: Ghi nhận việc bà Hoàng Thị Y tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng khác với tổng số tiền là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Xác nhận nguyên đơn đã nộp xong số tiền chi phí tố tụng khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị Y. Chị Nông Thị Q và anh Nông Văn D mỗi người liên đới phải chịu 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi họ cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các Dương Sư;
- VKS nhân dân huyện;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- THADS;
- Lưu HSVA, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SO THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

TRẦN QUANG HÒA

Quyết định Không chấp nhận kháng cáo quá hạn số 02/2019/QĐ-PT ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.